

Bản án số: 72/2026/HS-ST

Ngày: 16 - 6 - 2026

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Quang Dũng

Ông Phạm Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Tô Quỳnh Bảo Trâm – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 – Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Đạo - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2026, tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân khu vực 5 – Khánh Hòa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 57/2026/TLST-HS ngày 14 tháng 5 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2026/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 6 năm 2026 đối với:

Bị cáo: **Bùi Thị N**, sinh năm 1987 tại Khánh Hòa; Nơi thường trú: Tổ dân phố K, phường N, tỉnh Khánh Hòa; Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố C, phường Đ, tỉnh Khánh Hòa; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nữ; Con ông (không rõ) và bà Bùi Thị T; Có chồng tên Trần Đức L và 02 người con, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2012.

* Tiền án, tiền sự: Không.

* Nhân thân: Không.

Bị cáo tại ngoại, đang thực hiện lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

Bị hại: Chị Sche Ibner Nguyễn Kim T1, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Pillauer S 54d22047 H, Cộng hòa Liên bang Đ (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người làm chứng:

- Chị Chu Vũ Nhật H, sinh năm 1999. Nơi cư trú: Tổ dân phố B, phường Đ, tỉnh Khánh Hòa (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Anh Nguyễn Thành C, sinh năm 2000. Nơi cư trú: Thôn P, xã N, tỉnh Khánh Hòa (vắng mặt).

- Chị Âu Gia H1, sinh năm 1999. Nơi cư trú: Tổ dân phố B, phường P, tỉnh Khánh Hòa (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bà Bùi Thị T, sinh năm 1969. Nơi cư trú: Tổ dân phố C, phường Đ, tỉnh Khánh Hòa (vắng mặt).

- Ông Võ Văn T2, sinh năm 1967. Nơi cư trú: Tổ dân phố E, phường B, tỉnh Khánh Hòa (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã X, tỉnh Khánh Hòa (vắng mặt).

- Cháu Trần Hoàng Thiên V, sinh ngày 17/11/2012. Nơi cư trú: Tổ dân phố K, phường N, tỉnh Khánh Hòa (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của cháu Trần Hoàng Thiên V: Ông Trần Đức L, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Tổ dân phố K, phường N, tỉnh Khánh Hòa (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 19/01/2026 đến ngày 21/01/2026, do không có tiền tiêu xài cá nhân, trả nợ nên Bùi Thị N là nhân viên dọn phòng đã 02 lần lén lút thực hiện hành vi trộm cắp 5.900 Euro (01 Euro = 29.269,71 đồng), tương đương với số tiền **172.691.289 đồng** của chị S Ibner Nguyễn Kim T1 (*Sinh năm: 1991, trú tại: Pillauer S 54d22047 H, Cộng hòa Liên bang Đ*), tại phòng số 206, khách sạn R, thuộc tổ dân phố C, phường Đ, tỉnh Khánh Hòa. Cụ thể như sau:

- *Lần thứ nhất:* Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 19/01/2026, Bùi Thị N mở khóa, tiến hành dọn phòng số 206, khách sạn R, thuộc tổ dân phố C, phường Đ, tỉnh Khánh Hòa do gia đình chị Sche I Nguyễn Kim T1 thuê để ở. Sau khi đã dọn phòng xong, do nảy sinh ý định trộm cắp tài sản nên N nhìn xung quanh thì thấy có 01 ba lô đã mở khóa sẵn, N dùng tay mở ba lô ra thấy bên trong có 01 túi bằng vải có dây rút, N kéo dây rút túi vải ra thấy một xấp tiền nước ngoài, N rút 20 tờ, mệnh giá 100 Euro, tổng cộng là 2.000 Euro (01 Euro = 29.269,71 đồng), tương đương với số tiền **58.539.420 đồng** của chị S Ibner Nguyễn Kim T1, N cất giấu tiền bên trong giỏ dọn phòng, N đi ra khỏi phòng về phòng ở của nhân viên lấy 2.000 Euro vừa trộm cắp được bỏ vào ví da, sau đó N điều khiển xe mô tô, hiệu Honda Air Blade, màu đỏ bạc đen, biển số: 85C1-275.83 chạy về nhà của bà Bùi Thị T (*Sinh năm: 1969, trú tại: Tổ dân phố C, phường Đ, tỉnh Khánh Hòa là mẹ của Bùi Thị N*) cất giấu số tiền trên vào thùng xốp ở bên hông nhà, ăn cơm xong, N đến khách sạn để tiếp tục làm việc. Đến khoảng 08 giờ 30 phút ngày 20/01/2026, N nhờ anh Nguyễn Thành C (*Sinh năm: 2000, trú tại: Thôn P, xã N, tỉnh Khánh Hòa là lễ tân khách sạn*) chở ra sân bay C đổi 2.000 Euro được số tiền 57.950.000 đồng. Sau khi đã đổi được tiền, N và anh C quay về lại khách sạn, N cho anh C số tiền 1.000.000 đồng, trả nợ cho ông Võ Văn T2 (*Sinh năm: 1967, trú tại: Tổ dân phố E, phường B, tỉnh Khánh Hòa là bảo vệ khách sạn*) số tiền 1.000.000 đồng, trả nợ cho chị Nguyễn Thị L1 (*Sinh năm: 1982, trú tại: Thôn Đ, xã X, tỉnh Khánh Hòa*) số tiền 2.000.000 đồng, N mua 01 xe đạp điện, với số tiền 5.200.000 đồng cho em Trần Hoàng Thiên V (*Sinh ngày: 17/11/2012,*

trú tại: Tổ dân phố K, phường N, tỉnh Khánh Hòa là con của Bùi Thị N), N mua 01 đôi bông tai, với số tiền 2.965.000 đồng cho bà Bùi Thị T, N cho chị Âu Gia H1 (Sinh năm: 1999, trú tại: Tổ dân phố B, phường P, tỉnh Khánh Hòa là lễ tân khách sạn) số tiền 1.000.000 đồng. Số tiền còn lại N dùng tiêu xài cá nhân.

- Lần thứ hai: Khoảng 11 giờ 50 phút ngày 21/01/2026, cũng bằng thủ đoạn như đã nêu trên, N tiếp tục dùng tay mở túi bằng vải của chị Sche I Nguyễn Kim T1 lấy trộm 3.900 Euro (01 Euro = 29.269,71 đồng), tương đương với số tiền **114.151.869 đồng**. Sau khi lấy được tiền, N điều khiển xe mô tô, hiệu Honda Air Blade, màu đỏ bạc đen, biển số: 85C1-275.83 chạy về nhà của bà Bùi Thị T, ăn cơm xong, N đến khách sạn để tiếp tục làm việc. Đến khoảng 19 giờ 50 phút cùng ngày, Công an phường Đ mời Nở đến trụ sở để làm việc. Tại Cơ quan điều tra, Bùi Thị N đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình, đồng thời giao nộp 3.900 Euro và số tiền 44.000.000 đồng

* Tại Công văn số 125/KV10-TH ngày 22/01/2026 của Ngân hàng N1, Chi nhánh khu vực 10 xác định: Tỷ giá tính chéo của Đ (VND) so với Đồng E (EUR) áp dụng vào ngày 19/01/2026 và ngày 21/01/2026 là **29.269,71 VND/EUR**.

Trong quá trình điều tra, Bùi Thị N đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường thiệt hại, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên.

* Vật chứng của vụ án:

Cơ quan điều tra đã tạm giữ và trả lại cho chị S Ibner Nguyễn Kim T1 3.900 Euro, số tiền 44.000.000 đồng.

02 đoạn video ghi lại hình ảnh Bùi Thị N thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại khách sạn R vào ngày 19/01/2026, ngày 21/01/2026 lưu vào đĩa DVD (Kèm theo hồ sơ vụ án).

Đối với 01 ví da màu đen kích thước (19x12)cm, bên trong có 02 ngăn; 01 xe mô tô, hiệu Honda Air Blade, màu đỏ bạc đen, biển số: 85C1-275.83, thuộc quyền sở hữu của Bùi Thị N, không sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho N.

* Về dân sự:

Quá trình điều tra, Bùi Thị N đã tự nguyện bồi thường thêm cho chị Sche I Nguyễn Kim T1 số tiền 14.540.000 đồng, hiện chị T1 đã nhận được tiền, không có yêu cầu gì về dân sự, chị T1 xin giảm nhẹ hình phạt cho Bùi Thị N.

Đối với Nguyễn Thành C là người đã chở Bùi Thị N đi đòi tiền, được N cho số tiền 1.000.000 đồng nhưng không biết đây là tài sản do trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Đối với ông Võ Văn T2, chị Nguyễn Thị L1, em Trần Hoàng Thiên V, bà Bùi Thị T, chị Âu Gia H1 là những người đã nhận tiền, tài sản của Bùi Thị N nhưng không biết đây là tài sản do trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý. Sau khi sự việc xảy ra, những người trên đã trả lại tiền, tài sản cho Bùi Thị N.

Bản Cáo trạng số 22/CT-VKSKV5 ngày 13 tháng 5 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Khánh Hòa truy tố bị cáo Bùi Thị N về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Bị cáo thừa nhận diễn biến sự việc xảy ra như nội dung cáo trạng đã truy tố và không có ý kiến hay khiếu nại gì.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Khánh Hòa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Tuyên bố: Bị cáo Bùi Thị N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

+ Áp dụng: điểm c khoản 2 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Thị N từ 18 đến 24 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Bị cáo không trình bày tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo biết việc làm của mình sai trái xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xét về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Khánh Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Bị hại chị S Ibner Nguyễn Kim T1 và những người làm chứng đều vắng mặt, không ai đề nghị hoãn phiên tòa. Căn cứ Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự; Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, có đủ cơ sở để xác định: Lợi dụng sự sơ hở trong quản lý, bảo vệ tài sản của chủ sở hữu nên trong khoảng thời gian từ ngày 19/01/2026 đến ngày 21/01/2026, tại phòng số 206, khách sạn R, thuộc tổ dân phố C, phường Đ, tỉnh Khánh Hòa, Bùi Thị N đã 02 lần thực

hiện hành vi trộm cắp 5.900 Euro, tương đương với số tiền **172.691.289 đồng** của chị Sche I Nguyễn Kim T1.

Do đó, Bản Cáo trạng số 22/CT-VKSKV5 ngày 13 tháng 5 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Khánh Hòa truy tố bị cáo Bùi Thị N về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2] Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là trái pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương nên phải xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa.

[2.3] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội 02 lần nên bị áp dụng tình tiết “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự do đó Hội đồng xét xử cân nhắc khi lượng hình mức án phù hợp cho bị cáo.

Bị cáo có một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nhưng có ba tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[2.4] Xét nhân thân, tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo có điều kiện học tập, cải tạo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho chị S Ibner Nguyễn Kim T1, chị T1 không có yêu cầu gì về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về xử lý vật chứng: Không.

[5] Các nội dung có liên quan:

Đối với Nguyễn Thành C là người đã chở Bùi Thị N đi đổi tiền, được N cho số tiền 1.000.000 đồng nhưng không biết đây là tài sản do trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với ông Võ Văn T2, chị Nguyễn Thị L1, em Trần Hoàng Thiên V, bà Bùi Thị T, chị Âu Gia H1 là những người đã nhận tiền, tài sản của Bùi Thị N nhưng không biết đây là tài sản do trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý là đúng quy định pháp luật. Sau khi sự việc xảy ra, những người trên đã trả lại tiền, tài sản cho Bùi Thị N.

[6] Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Khánh Hòa về việc định tội danh và định khung hình phạt đối với bị cáo; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo tương xứng với tính chất, mức độ hành vi nguy hiểm cho xã hội là có căn cứ và đúng pháp luật nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội và bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo **Bùi Thị N** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

Xử phạt: Bị cáo **Bùi Thị N** 18 (mười tám) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về án phí: Căn cứ vào khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Bùi Thị N phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, có mặt bị cáo quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 16 - 6 - 2026); bị hại vắng mặt quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND khu vực 5;
- Công an tỉnh Khánh Hòa;
- Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa;
- Phòng PV 06 CAT Khánh Hòa;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu án văn, hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Dung

